*Mẫu số 01*

**UBND XÃ TRẦN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH

**Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo hưởng theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng**

*(Mức được hưởng từ 01/01/2026 đến 30/6/2026)*

ĐVT: Đồng

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 1 | **Nguyễn Thị Tập** | Nguyễn Thị Tập | 14/02/1951 | | 1.050.000 | 450.000 | Phạm Thanh Hương | 4602958384 | BIDV | Kinh Dương | Hộ nghèo | **1** |
| 2 | **Nguyễn Thị Luyến** | Nguyễn Thị Luyến | 03/06/1945 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Thị Thu Hiền | 101867544016 | Vietinbank | Thượng Dương | Hộ nghèo | **2** |
| 3 | **Phạm Thị Miền** | Phạm Thị Miền | 10/01/1980 | | 700.000 | 800.000 | Lưu Thị Hồng | 2303205078003 | Agribank | Mạn Đê | Hộ nghèo | **3** |
| 4 | | Phạm Huy Bắc | 12/05/2007 | | | 1.500.000 | Lưu Thị Hồng | 2303205078003 | Agribank | Mạn Đê | Hộ nghèo | |
| 5 | **Lê Khả Tân** | Lê Khả Tân | 03/10/1957 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Hữu | 1048305912 | Vietcombank | An Xá | Hộ nghèo | **4** |
| 6 | **Vũ Đăng Hải** | Vũ Đăng Hải | 24/02/1971 | | 1.050.000 | 450.000 | Trần Thị Phương | 2303249004660 | Agribank | An Xá | Hộ nghèo | **5** |
| 7 | **Cấn Đình Vang** | Cấn Đình Vang | 08/12/1985 | | 1.050.000 | 450.000 | Cấn Đình Vững | 9353741326 | Vietcombank | Bịch Đông | Hộ Cận nghèo | **6** |
| 8 | **Phạm Ngọc Quân** | Lê Thị Thơm | 27/06/1982 | | | 1.500.000 | Phạm Ngọc Quân | 103.868.646.288 | Vietinbank | Bịch Tây | Hộ Cận nghèo | **7** |
| 9 | **Nguyễn Xuân Quảng** | Nguyễn Xuân Minh | 10/02/2009 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Lương | 0341005301035 | Vietcombank | Bịch Tây | Hộ Cận nghèo | **8** |
| 10 | **Đặng Thị Để** | Phạm Thị Phước | 10/10/1964 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Thị Phước | 8834898744 | BIDV | An Thượng | Hộ Cận nghèo | **9** |
| 11 | **Nguyễn Đình Đức** | Nguyễn Đình Đức | 02/06/1953 | | 700.000 | 800.000 | Đặng Thị Vui | 98384267 | VP Bank | An Thượng | Hộ Cận nghèo | **10** |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 12 | | Nguyễn Thị Luận | 10/07/1954 | | 700.000 | 800.000 | Đặng Thị Vui | 98384267 | VP Bank | An Thượng | Hộ Cận nghèo | |
| 13 | **Đặng Thị Đận** | Đặng Thị Đận | 13/03/1952 | | 700.000 | 800.000 | Lê Thị Ánh | 98614327 | VP Bank | An Thượng | Hộ Cận nghèo | **11** |
| 14 | **Nguyễn Thị Thanh** | Nguyễn Thị Thanh | 01/01/1963 | | 700.000 | 800.000 | Trần Thị Oanh | 1048021215 | Vietcombank | An Thượng | Hộ Cận nghèo | **12** |
| 15 | **Đinh Thị Lạng** | Đinh Thị Lạng | 09/08/1982 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Bá Diễn | 2301205290796 | Agribank | Hoàng Xá | Hộ Cận nghèo | **13** |
| 16 | **Đinh Văn Phường** | Đinh Văn Phường | 19/07/1968 | | 1.050.000 | 450.000 | Đinh Văn Tác | 1961488455 | Vietcombank | Hoàng Xá | Hộ Cận nghèo | **14** |
| 17 | **Phan Văn Kiệm** | Phan Thị Lan Anh | 17/06/2008 | | | 1.500.000 | Phan Văn Kiệm | 0345560103 | Vietinbank | Lấu Khê | Hộ Cận nghèo | **15** |
| 18 | **Trịnh Thị Thắm** | Trịnh Thị Thắm | 30/11/1953 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Thị Thư | 4602946501 | BIDV | Kinh Dương | Hộ Cận nghèo | **16** |
| 19 | **Nguyễn Viết Khả** | Nguyễn Thị Chấm | 26/08/1949 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Viết Tĩnh | 9397855504 | Vietcombank | Đại Lã | Hộ Cận nghèo | **17** |
| 20 | **Nguyễn Thị Nhờ** | Nguyễn Thị Nhờ | 17/07/1956 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Thị Lưu | 0341007065493 | Vietcombank | Đại Lã | Hộ Cận nghèo | **18** |
| 21 | **Phạm Thị Hằng** | Phạm Thị Hằng | 04/09/1978 | | 1.400.000 | 100.000 | Phạm Thị Hằng | 0335157879 | MB | Kim Độ | Hộ Cận nghèo | **19** |
| 22 | | Phạm Thị Hồng Nga | 06/10/2008 | | | 1.500.000 | Phạm Thị Hằng | 0335157879 | MB | Kim Độ | Hộ Cận nghèo | |
| 23 | **Phạm Văn Thắng** | Phạm Văn Thắng | 12/02/1987 | | 1.050.000 | 450.000 | Phạm Văn Thắng | 9986021336 | Vietcombank | Kim Độ | Hộ Cận nghèo | **21** |
| 24 | **Nguyễn Thị Oánh** | Nguyễn Thị Oánh | 03/03/1968 | | 1.050.000 | 450.000 | Phạm Xuân Tài | 4603950897 | BIDV | Kim Độ | Hộ Cận nghèo | **22** |
| 25 | **Nguyễn Văn Hưng** | Nguyễn Ngọc Anh | 23/01/2010 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Nguyệt | 0341005126646 | Vietcombank | Kim Độ | Hộ Cận nghèo | **23** |
| 26 | | Nguyễn Thị Nguyệt | 17/11/1989 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Nguyệt | 0341005126646 | Vietcombank | Kim Độ | Hộ Cận nghèo | |
| 27 | **Vũ Thị Nhung** | Vũ Thị Nhung | 24/10/1995 | | 1.400.000 | 100.000 | Vũ Thị Nhung | 0351000949866 | Vietcombank | Cát Khê | Hộ Cận nghèo | **24** |
| 28 | **Vũ Thị Toan** | Vũ Thị Toan | 01/01/1955 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Thị Hiến | 8810290025 | BIDV | Thượng Dương | Hộ Cận nghèo | **25** |
| 29 | | Nguyễn Văn Chữ | 14/08/1981 | | 1.050.000 | 450.000 | Phạm Thị Hiến | 8810290025 | BIDV | Thượng Dương | Hộ Cận nghèo | |
| 30 | **Đặng Thị Bền** | Đặng Thị Bền | 02/08/1953 | | 700.000 | 800.000 | Đặng Thanh An | 41510012005 | TP Bank | Thượng Dương | Hộ Cận nghèo | **26** |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 31 | | Đặng Thanh An | 10/01/2005 | | | 1.500.000 | Đặng Thanh An | 41510012005 | TP Bank | Thượng Dương | Hộ Cận nghèo | |
| 32 | **Trần Thị Thơm** | Trần Thị Thơm | 01/01/1948 | | 700.000 | 800.000 | Hồ Thị Lừng | 1028656747 | Vietcombank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **27** |
| 33 | **Trịnh Thị Dung** | Trịnh Thị Dung | 05/06/1960 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Lành | 102885147185 | Vietinbank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **28** |
| 34 | | Trịnh Thị Dinh | 12/01/1965 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Lành | 102885147185 | Vietinbank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | |
| 35 | **Hồ Thị Nhung** | Hồ Thị Nhung | 25/12/1967 | | 936.000 | 564.000 | Hồ Thị Vân Khánh | 0789245294 | MB | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **29** |
| 36 | **Phạm Thị Hương** | Phạm Thị Hương | 16/12/1991 | | 1.400.000 | 100.000 | Phạm Thị Hương | 103871598648 | Vietinbank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **30** |
| 37 | **Nguyễn Bá Thuy** | Nguyễn Bá Thuy | 23/10/1987 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Bá Thuy | 0341001747961 | Vietcombank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **31** |
| 38 | **Phạm Thị Vẽ** | Phạm Thị Vẽ | 12/04/1978 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Thị Vẽ | 030089262298 | Sacombank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **32** |
| 39 | **Vũ Đình Nhật** | Vũ Đình Nhật | 03/11/1984 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Thị Tuyến | 2303236061950 | Agribank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **33** |
| 40 | **Phạm Thị Liên** | Phạm Thị Liên | 03/09/1951 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Huy Kiệm | 4605249971 | BIDV | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **34** |
| 41 | **Nguyễn Thị Thơ** | Nguyễn Hữu Tặng | 06/06/1952 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Thị Mơ | 20001013919693 | MSB | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **35** |
| 42 | | Trịnh Thị Tuế | 05/05/1952 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Thị Mơ | 20001013919693 | MSB | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | |
| 43 | **Hồ Thị Thảnh** | Hồ Thị Thảnh | 04/08/1985 | | 1.400.000 | 100.000 | Hồ Thị Thảnh | 0341007124972 | Vietcombank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | **36** |
| 44 | | Nguyễn Đình Động | 04/04/1950 | | 700.000 | 800.000 | Hồ Thị Thảnh | 0341007124972 | Vietcombank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | |
| 45 | | Phạm Thị Hạt | 10/02/1951 | | 700.000 | 800.000 | Hồ Thị Thảnh | 0341007124972 | Vietcombank | Mạn Đê | Hộ Cận nghèo | |
| 46 | **Nguyễn Thị Chúc** | Nguyễn Thị Chúc | 09/02/1956 | | 700.000 | 800.000 | Mạc Thị Hương | 4602633858 | BIDV | Thuỵ Trà | Hộ Cận nghèo | **37** |
| 47 | **Vũ Đình Thuyết** | Vũ Bình An | 18/03/2010 | | | 1.500.000 | Vũ Đình Thuyết | 1026838695 | Vietcombank | Thuỵ Trà | Hộ Cận nghèo | **38** |
| 48 | **Trần Thị Hoành** | Trần Thị Hoành | 01/01/1960 | | 700.000 | 800.000 | Trần Thị Hoành | 2303205195673 | Agribank | Tông Phố | Hộ Cận nghèo | **39** |
| 49 | | Trần Đình Nghĩa | 08/10/1992 | | 1.400.000 | 100.000 | Trần Thị Hoành | 2303205195673 | Agribank | Tông Phố | Hộ Cận nghèo | |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 50 | **Doãn Thị Tần** | Doãn Thị Tần | 01/01/1953 | | 700.000 | 800.000 | Bùi Ngọc Hải | 107877515916 | Vietinbank | An Xá | Hộ Cận nghèo | **40** |
| 51 | **Bùi Thị Gái** | Vương Thị Huyền | 31/08/1992 | | 700.000 | 800.000 | Vương Thị Huyền | 1064281720 | Vietcombank | An Xá | Hộ Cận nghèo | **41** |
| 52 | **Vũ Thị Bình** | Vũ Thị Bình | 23/11/1958 | | | 1.500.000 | Vũ Thị Minh | 100886396794 | Vietinbank | An Xá | Hộ Cận nghèo | **42** |
| 53 | **Lê Thị Vẻ** | Lê Thị Vẻ | 23/04/1956 | | 1.400.000 | 100.000 | Lê Công Tu | 2303205069337 | Agribank | An Xá | Hộ Cận nghèo | **43** |
| 54 | **Lê Thị Gái** | Lê Thị Gái | 13/05/1952 | | 700.000 | 800.000 | Lê Thị Tình | 98542407 | VP Bank | An Xá | Hộ Cận nghèo | **44** |
| 55 | **Vũ Đình Dư** | Vũ Đình Dư | 01/01/1955 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Thị Hương | 0341005739594 | Vietcombank | An Xá | Hộ Cận nghèo | **45** |
| 56 | **Trần Thị Cải** | Trần Thị Cải | 01/01/1955 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Hải Ly | 0341006854619 | Vietcombank | An Xá | Hộ Cận nghèo | **46** |
| 57 | **Phạm Công Tuấn** | Trần Thị Lượng | 01/01/1953 | | 700.000 | 800.000 | Vũ Thị Mùi | 0341005910190 | Vietcombank | An Xá | Hộ Cận nghèo | **47** |
| 58 | **Mạc Thị Nga** | Mạc Thị Nga | 01/02/1962 | | | 1.500.000 | Mạc Đăng Phương | 2303206000293 | Agribank | Linh Khê | Hộ Cận nghèo | **48** |
| 59 | **Nguyễn Thị Cháng** | Nguyễn Thị Cháng | 01/01/1956 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Thị Cháng | 2303206024971 | Agribank | Linh Khê | Hộ Cận nghèo | **49** |
| 60 | **Nguyễn Thị Tám** | Nguyễn Thị Chiến | 01/01/1973 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Thị Tám | 2303205196749 | Agribank | Lê Hà | Hộ Cận nghèo | **50** |
| 61 | | Nguyễn Trung Vận | 26/05/1998 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Thị Tám | 2303205196749 | Agribank | Lê Hà | Hộ Cận nghèo | |
| 62 | **Nguyễn Văn Lâm** | Nguyễn Văn Lâm | 01/01/1950 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Thị Châm | 98380205 | VP Bank | Lương Gián | Hộ Cận nghèo | **51** |
| 63 | | Đào Thị Chung | 01/01/1953 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Thị Châm | 98380205 | VP Bank | Lương Gián | Hộ Cận nghèo | |
| 64 | | Trần Thị Thắng | 26/02/2005 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Châm | 98380205 | VP Bank | Lương Gián | Hộ Cận nghèo | |
| 65 | **Nguyễn Xuân Diên** | Nguyễn Xuân Diên | 23/11/1972 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Thị Văn | 0341001623597 | Vietcombank | Trực Trì | Hộ Cận nghèo | **52** |
| 66 | **Nguyễn Thị Dạnh** | Nguyễn Thị Dạnh | 01/01/1954 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Xuân Phóng | 1029719973 | Vietcombank | Trực Trì | Hộ Cận nghèo | **53** |
| 67 | **Trần Thị Linh** | Trần Thị Linh | 01/01/1956 | | 1.400.000 | 100.000 | Trần Thị Linh | 2303206026200 | Agribank | Trực Trì | Hộ Cận nghèo | **54** |
| 68 | **Nguyễn Thị Bằng** | Nguyễn Thị Bằng | 06/04/1952 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Đức Toản | 663199366666 | MB | Đông Thôn | Hộ Cận nghèo | **55** |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 69 | **Lê Thị Liên** | Lê Thị Liên | 02/02/1966 | | 1.400.000 | 100.000 | Lê Huy Cương | 2303205111910 | Agribank | Đông Thôn | Hộ Cận nghèo | **56** |
| 70 | **Trần Thị Đảm** | Vũ Nhất Vương | 20/08/2008 | | | 1.500.000 | Vũ Thị Ngọc | 4603791962 | BIDV | Đông Thôn | Hộ Cận nghèo | **57** |
| 71 | **Vũ Thị Đào** | Vũ Thị Đào | 26/01/1955 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Công Mùi | 2303206021530 | Agribank | Đông Thôn | Hộ Cận nghèo | **58** |
| 72 | **Nguyễn Thị Là** | Nguyễn Thị Là | 01/01/1932 | | 700.000 | 800.000 | Trần Thị Hường | 8873450723 | BIDV | Đông Thôn | Hộ Cận nghèo | **59** |
| 73 | | Trần Ngọc Quyết | 16/05/1978 | | 1.050.000 | 450.000 | Trần Thị Hường | 8873450723 | BIDV | Đông Thôn | Hộ Cận nghèo | |
| 74 | **Đặng Thị Liên** | Đặng Thị Liên | 01/01/1950 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Thị Thấm | 2303205238153 | Agribank | Thượng Dương | Thoát Hộ nghèo | **60** |
| 75 | **Phạm Thị Duẫn** | Phạm Thị Duẫn | 01/01/1941 | | 936.000 | 564.000 | Nguyễn Thị Thu Hương | 0341006828783 | Vietcombank | Mạn Đê | Thoát Hộ nghèo | **61** |
| 76 | **Hồ Duy Hưởng** | Hồ Duy Hưởng | 01/11/1983 | | 700.000 | 800.000 | Trần Thị Thơm | 0341006853214 | Vietcombank | Mạn Đê | Thoát Hộ nghèo | **62** |
| 77 | | Hồ Phương Thảo | 26/01/2009 | | Còn học | 1.500.000 | Trần Thị Thơm | 0341006853214 | Vietcombank | Mạn Đê | Thoát Hộ nghèo | |
| 78 | **Phạm Thị Bé** | Phạm Thị Bé | 12/05/1949 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Văn Ninh | 8888865938396 | Agribank | Bịch Tây | Thoát Hộ nghèo | **63** |
| 79 | **Phan Văn Y** | Phan Văn Y | 16/08/1958 | | | 1.500.000 | Phan Thị Quế | 104885716078 | Vietinbank | Lấu Khê | Thoát Hộ nghèo | **64** |
| 80 | **Đỗ Thị Ngạch** | Đỗ Thị Ngạch | 01/01/1950 | | 700.000 | 800.000 | Phan Văn Trung | 101872148392 | Vietinbank | Lấu Khê | Thoát Hộ nghèo | **65** |
| 81 | **Nguyễn Thị Quyên** | Nguyễn Thị Quyên | 15/05/1975 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Văn Tuyển | 108873799560 | Vietinbank | Cát Khê | Thoát Hộ nghèo | **66** |
| 82 | **Trần Thị Ly** | Trần Thị Ly | 01/01/1959 | | | 1.500.000 | Phạm Văn Tuấn | 4601097196 | BIDV | Cát Khê | Thoát Hộ nghèo | **67** |
| 83 | **Dương Thị Chan** | Dương Thị Chan | 15/02/1948 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Thanh Hương | 4602958384 | BIDV | Kinh Dương | Thoát Hộ nghèo | **68** |
| 84 | **Lê Xuân Chưa** | Lê Xuân Chưa | 01/01/1962 | | | 1.500.000 | Lê Văn Trang | 0358328770 | MB | Kim Độ Trại | Thoát Hộ nghèo | **69** |
| 85 | | Lê Văn Trang | 10/9/2002 | | | 1.500.000 | Lê Văn Trang | 0358328770 | MB | Kim Độ Trại | Thoát Hộ nghèo | |
| 86 | **Vũ Thị Dấn** | Vũ Thị Dấn | 01/01/1954 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Kim Dung | 4602921012 | BIDV | Kim Độ Trại | Thoát Hộ nghèo | **70** |
| 87 | **Trương Thị Phương** | Trương Thị Phương | 27/04/1959 | | | 1.500.000 | Trần Thị Nguyệt | 2303215003546 | Agribank | Linh Khê | Thoát Hộ nghèo | **71** |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 88 | **Lê Thị San** | Lê Thị San | 01/01/1949 | | 700.000 | 800.000 | Lương Thị Nhàn | 0341007181018 | Vietcombank | Tống Xá | Thoát Hộ nghèo | **72** |
| 89 | **Nguyễn Thị Mến** | Nguyễn Thị Mến | 01/01/1985 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Huy Mến | 2303206024755 | Agribank | Tống Xá | Thoát Hộ nghèo | **73** |
| 90 | **Vũ Thị Hương** | Vũ Thị Hương | 31/05/1983 | | | 1.500.000 | Vũ Thị Hương | 19038182474019 | Techcombank | Tống Xá | Thoát Hộ nghèo | **74** |
| 91 | **Trần Thị Thanh** | Trần Thị Thanh | 01/01/1958 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Đông Oanh | 2303205213117 | Agribank | Tông Phố | Thoát Hộ nghèo | **75** |
| 92 | **Dương Thị Bé** | Dương Thị Bé | 24/03/1955 | | 1.400.000 | 100.000 | Mạc Thị Bông | 2303205199080 | Agribank | Tông Phố | Thoát Hộ nghèo | **76** |
| 93 | **Nguyễn Thị Trọng** | Nguyễn Thị Trọng | 01/01/1939 | | 700.000 | 800.000 | Lương Quang Thế | 2303215009405 | Agribank | Lê Hà | Thoát Hộ nghèo | **77** |
| 94 | **Nguyễn Thị Cải** | Nguyễn Thị Cải | 19/09/1956 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Cải | 2303205226597 | Agribank | Lê Hà | Thoát Hộ nghèo | **78** |
| 95 | **Lê Thị Hạnh** | Lê Thị Hạnh | 06/01/1990 | | 1.050.000 | 450.000 | Lê Văn Hữu | 2303215009310 | Agribank | Lê Hà | Thoát Hộ nghèo | **79** |
| 96 | **Trần Văn Triệu** | Trần Xuân Tuân | 23/07/1985 | | 1.050.000 | 450.000 | Trần Xuân Luân | 0341006851775 | Vietcombank | Lương Gián | Thoát Hộ nghèo | **80** |
| 97 | **Đỗ Thị Hoa** | Đỗ Thị Hoa | 01/01/1947 | | 1.400.000 | 100.000 | Đỗ Thị Ngần | 1039928860 | Vietcombank | Lương Gián | Thoát Hộ nghèo | **81** |
| 98 | **Trần Kim Síu** | Trần Kim Síu | 9/11/1945 | | 700.000 | 800.000 | Ngô Thị Kim Anh | 0341007083881 | Vietcombank | Trực Trì | Thoát Hộ nghèo | **82** |
| 99 | | Trần Thị Đãi | 01/01/1949 | | 700.000 | 800.000 | Ngô Thị Kim Anh | 0341007083881 | Vietcombank | Trực Trì | Thoát Hộ nghèo | |
| 100 | **Trần Thị Hậu** | Trần Thị Hậu | 03/10/1967 | | 1.050.000 | 450.000 | Hứa Duy Minh | 19037053927019 | Techcombank | Trực Trì | Thoát Hộ nghèo | **83** |
| 101 | **Ngô Quang Thế** | Đỗ Thị Ngân | 21/01/1975 | | 700.000 | 800.000 | Đỗ Thị Ngần | 1039928860 | Vietcombank | Trực Trì | Thoát Hộ nghèo | **84** |
| 102 | **Nguyễn Thị Thảnh** | Nguyễn Thị Thảnh | 05/05/1962 | | 1.400.000 | 100.000 | Hoàng Thị Ký | 0341007189075 | Vietcombank | Đông Thôn | Thoát Hộ nghèo | **85** |
| 103 | **Nguyễn Thị Quý** | Nguyễn Thị Quý | 01/01/1960 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Dung | 2303678928888 | Agribank | Đông Thôn | Thoát Hộ nghèo | **86** |
| 104 | **Vũ Thị Mâu** | Vũ Thị Mâu | 10/01/1950 | | 700.000 | 800.000 | Vũ Đình Kiên | 9974649895 | Vietcombank | Đông Thôn | Thoát Hộ nghèo | **87** |
| 105 | **Vũ Thị Khẩn** | Vũ Thị Khẩn | 01/02/1942 | | 700.000 | 800.000 | Lê Thị Lưu | 0341007144438 | Vietcombank | Đông Thôn | Thoát Hộ nghèo | **88** |
| 106 | | Lê Thị Nguyện | 27/07/1972 | | 1.050.000 | 450.000 | Lê Thị Lưu | 0341007144438 | Vietcombank | Đông Thôn | Thoát Hộ nghèo | |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 107 | **Phạm Thị Đích** | Phạm Thị Đích | 01/01/1951 | | 700.000 | 800.000 | Bùi Thị Ngọc Oanh | 030080780024 | Sacombank | Đông Thôn | Thoát Hộ nghèo | **89** |
| 108 | **Vũ Thị Kém** | Vũ Thị Kém | 01/01/1944 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Thị Hương | 2303205071193 | Agribank | An Xá | Thoát Hộ nghèo | **90** |
| 109 | **Doãn Thị Hải** | Doãn Thị Hải | 25/05/1963 | | | 1.500.000 | Trần Thị Viên | 0341007116047 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hộ nghèo | **91** |
| 110 | **Vũ Thị Nuôi** | Lê Thị Thu Hà | 16/10/2009 | | | 1.500.000 | Phạm Thị Hoài Hương | 0341007102278 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hộ nghèo | **92** |
| 111 | **Lê Thị Tuấn** | Lê Thị Tuấn | 01/01/1956 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Hoa | 0341006916759 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hộ nghèo | **93** |
| 112 | **Doãn Thị Tần** | Doãn Thị Tần | 01/01/1953 | | 700.000 | 800.000 | Bùi Ngọc Hải | 107877515916 | Vietinbank | An Xá | Thoát Hộ nghèo | **94** |
| 113 | **Nguyễn Thị Hà** | Nguyễn Thị Hà | 18/04/1954 | | 1.400.000 | 100.000 | Lê Thị Sen | 0341007099211 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hộ nghèo | **95** |
| 114 | **Vũ Thị Nhớn** | Vũ Thị Nhớn | 01/01/1932 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Công Mạnh | 9347611492 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hộ nghèo | **96** |
| 115 | **Đặng Thị Tẹo** | Đặng Thị Tẹo | 01/01/1949 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Văn Tứ | 3000100061370012 | Coop bank | Thượng Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **97** |
| 116 | **Nguyễn Thị Liệu** | Nguyễn Thị Liệu | 12/11/1972 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Thu Hương | 103874957189 | Vietinbank | Thượng Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **98** |
| 117 | **Nguyễn Thị Xuê** | Nguyễn Thị Xuê | 20/10/1971 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Văn Hướng | 2303205207195 | Agribank | Thượng Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **99** |
| 118 | **Nguyễn Thị Lờ** | Nguyễn Thị Lờ | 01/01/1943 | | 700.000 | 800.000 | Vũ Thị Hương Lý | 4602884799 | BIDV | Thượng Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **100** |
| 119 | **Nguyễn Văn Hinh** | Nguyễn Văn Hinh | 19/9/1998 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Văn Hinh | 0901526671 | Vietinbank | Mạn Đê | Thoát Hô Cận nghèo | **101** |
| 120 | **Vũ Đình Tạo** | Vũ Đình Tạo | 20/06/1973 | | 1.400.000 | 100.000 | Vũ Đình Long | 1043734013 | Vietcombank | Thuỵ Trà | Thoát Hô Cận nghèo | **102** |
| 121 | | Vũ Đình Long | 05/06/2001 | | 700.000 | 800.000 | Vũ Đình Long | 1043734013 | Vietcombank | Thuỵ Trà | Thoát Hô Cận nghèo | |
| 122 | **Cấn Đình Đảng** | Cấn Đình Đảng | 27/07/1932 | | 700.000 | 800.000 | Cấn Đình Hải | 9338238167 | Vietcombank | Bịch Đông | Thoát Hô Cận nghèo | **103** |
| 123 | **Bùi Thị Cộn** | Bùi Thị Cộn | 01/01/1951 | | 700.000 | 800.000 | Vũ Thị Tân | 0985340755 | MB | Bịch Đông | Thoát Hô Cận nghèo | **104** |
| 124 | **Lê Khả Mạnh** | Lê Khả Mạnh | 04/11/1992 | | 1.050.000 | 450.000 | Lê Khả Mạnh | 0341006820975 | Vietcombank | Bịch Tây | Thoát Hô Cận nghèo | **105** |
| 125 | **Trần Thị Ngọt** | Trần Thị Ngọt | 05/01/1945 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Tiến Hải | 1036618999 | Vietcombank | An Thượng | Thoát Hô Cận nghèo | **106** |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 126 | **Vương Đình Nghị** | Vương Đình Nghị | 10/06/1950 | | 700.000 | 800.000 | Vương Đình Nghị | 8881399071 | BIDV | Hoàng Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **107** |
| 127 | **Trịnh Thị Khánh** | Trịnh Thị Khánh | 01/01/1980 | | 1.400.000 | 100.000 | Trịnh Thị Thành | 20001013923832 | MSB | Cát Khê | Thoát Hô Cận nghèo | **108** |
| 128 | **Phạm Thị Phượng** | Phạm Thị Phượng | 01/01/1956 | | 1.400.000 | 100.000 | Ngô Thị Hương | 1042211999 | Vietcombank | Cát Khê | Thoát Hô Cận nghèo | **109** |
| 129 | **Nguyễn Thị Thể** | Nguyễn Thị Thể | 09/12/1954 | | 700.000 | 800.000 | Nguyễn Đình Dục | 0341007170118 | Vietcombank | Kinh Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **110** |
| 130 | **Trịnh Thị Tuyến** | Trịnh Thị Tuyến | 03/10/1950 | | 700.000 | 800.000 | Lê Thị Dung | 0341002009929 | Vietcombank | Kinh Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **111** |
| 131 | **Trịnh Bá Yên** | Trịnh Bá Tình | 26/10/1989 | | 1.050.000 | 450.000 | Trịnh Bá Tĩnh | 2303205257091 | Agribank | Kinh Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **112** |
| 132 | **Trịnh Thị Thuỷ** | Trịnh Thị Thuỷ | 02/06/1956 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 4610485449 | BIDV | Kinh Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **113** |
| 133 | **Lê Văn Dương** | Lê Vũ Thu Thảo | 14/12/2009 | | | 1.500.000 | Vũ Thị Thư | 1047334142 | Vietcombank | Kinh Dương | Thoát Hô Cận nghèo | **114** |
| 134 | **Nguyễn Thị Mua** | Nguyễn Thị Mua | 25/02/1953 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Đình Hanh | 1030788231 | Vietcombank | Đại Lã | Thoát Hô Cận nghèo | **115** |
| 135 | **Phạm Thị Đạt** | Phạm Thị Đạt | 07/11/1985 | | 1.050.000 | 450.000 | Phạm Thị Đạt | 1050093144 | Vietcombank | Kim Độ | Thoát Hô Cận nghèo | **116** |
| 136 | **Đinh Thị Quanh** | Đinh Thị Quanh | 10/10/1950 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Thị Luyến | 0341007097921 | Vietcombank | Kim Độ | Thoát Hô Cận nghèo | **117** |
| 137 | | Phạm Ngọc Linh | 08/01/2010 | | | 1.500.000 | Phạm Ngọc Linh | 8877972842 | BIDV | Kim Độ | Thoát Hô Cận nghèo | |
| 138 | **Đinh Văn Vinh** | Đinh Văn Vinh | 11/02/1976 | | 700.000 | 800.000 | Đinh Văn Vinh | 970422920255941310 4 | MB | Kim Độ Trại | Thoát Hô Cận nghèo | **118** |
| 139 | **Hoàng Quang Vinh** | Hoàng Quang Vinh | 20/02/1988 | | 1.050.000 | 450.000 | Hoàng Quang Vinh | 0341007119425 | Vietcombank | Kim Độ Trại | Thoát Hô Cận nghèo | **119** |
| 140 | **Nguyễn Văn Đang** | Nguyễn Hải Đức | 23/04/2007 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Văn Đang | 2303281008551 | Agribank | Linh Khê | Thoát Hô Cận nghèo | **120** |
| 141 | **Nguyễn Thị Vui** | Nguyễn Thị Vui | 30/10/1983 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Thị Vui | 2303206024907 | Agribank | Linh Khê | Thoát Hô Cận nghèo | **121** |
| 142 | **Nguyễn Văn Biên** | Nguyễn Thị Oanh | 18/12/1998 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Văn Hải | 1050762496 | Vietcombank | Tống Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **122** |
| 143 | **Mạc Thị Hà** | Mạc Thị Hà | 02/01/1979 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Thị Lan Anh | 100885258733 | Vietinbank | Tông Phố | Thoát Hô Cận nghèo | **123** |
| 144 | **Nguyễn Văn Hà** | Nguyễn Thị Vân | 01/01/1957 | | 1.400.000 | 100.000 | Nguyễn Thị Phượng | 2303205045010 | Agribank | Lê Hà | Thoát Hô Cận nghèo | **124** |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 145 | **Nguyễn Thị Lũng** | Nguyễn Thị Lũng | 01/01/1956 | | | 1.500.000 | Nguyễn Thị Huệ | 20001013917701 | MSB | Lê Hà | Thoát Hô Cận nghèo | **125** |
| 146 | **Mạc Thị Từ** | Mạc Thị Từ | 01/01/1958 | | | 1.500.000 | Nguyễn Văn Sang | 4450223599 | BIDV | Lê Hà | Thoát Hô Cận nghèo | **126** |
| 147 | **Trần Văn Đại** | Trần Văn Dương | 21/8/2009 | | | 1.500.000 | Trần Văn Dương | 0965901751 | MB | Lương Gián | Thoát Hô Cận nghèo | **127** |
| 148 | **Trần Thị Lương** | Trần Thị Lương | 26/11/1984 | | 1.050.000 | 450.000 | Trần Kim Quy | 0987695809 | Vietinbank | Trực Trì | Thoát Hô Cận nghèo | **128** |
| 149 | **Trần Thị Gái** | Trần Thị Gái | 01/01/1937 | | 700.000 | 800.000 | Trần Đức Trưởng | 8894777853 | BIDV | Trực Trì | Thoát Hô Cận nghèo | **129** |
| 150 | **Nguyễn Hữu Cảnh** | Nguyễn Hữu Cảnh | 21/11/1975 | | 1.050.000 | 450.000 | Nguyễn Hữu Cảnh | 0341007177680 | Vietcombank | Trực Trì | Thoát Hô Cận nghèo | **130** |
| 151 | | Nguyễn Thị Hoà | 03/10/2004 | | | 1.500.000 | Nguyễn Hữu Cảnh | 0341007177680 | Vietcombank | Trực Trì | Thoát Hô Cận nghèo | |
| 152 | | Nguyễn Thị Huế | 03/10/2004 | | | 1.500.000 | Nguyễn Hữu Cảnh | 0341007177680 | Vietcombank | Trực Trì | Thoát Hô Cận nghèo | |
| 153 | **Trần Quang Hưng** | Trần Quang Hưng | 04/12/1959 | | 1.400.000 | 100.000 | Trần Quang Hiển | 0973841988 | Vietinbank | Trực Trì | Thoát Hô Cận nghèo | **131** |
| 154 | **Nguyễn Xuân Huy** | Vũ Thị Ngoan | 06/04/1982 | | 1.050.000 | 450.000 | Vũ Thị Ngoan | 0341001520664 | Vietcombank | Trực Trì | Thoát Hô Cận nghèo | **132** |
| 155 | | Nguyễn Thị Khánh Hoà | 30/06/2008 | | | 1.500.000 | Vũ Thị Ngoan | 0341001520664 | Vietcombank | Trực Trì | Thoát Hô Cận nghèo | |
| 156 | **Trần Thế Bình** | Trần Thế Bình | 31/12/1985 | | 1.400.000 | 100.000 | Trần Thị Hà | 0211021582004 | Bảo việt Bank | Đông Thôn | Thoát Hô Cận nghèo | **133** |
| 157 | | Trần Thị Khánh Linh | 25/03/2009 | | | 1.500.000 | Trần Thị Hà | 0211021582004 | Bảo việt Bank | Đông Thôn | Thoát Hô Cận nghèo | |
| 158 | **Lê Thị Dung** | Lê Thị Dung | 01/01/1958 | | | 1.500.000 | Vũ Thị Lâm | 103876483839 | Vietinbank | Đông Thôn | Thoát Hô Cận nghèo | **134** |
| 159 | **Trần Thị Hiếu** | Trần Thị Hiếu | 01/01/1948 | | 1.400.000 | 100.000 | Lê Khả Tuấn | 2303205023211 | Agribank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **135** |
| 160 | **Lê Thị Kết** | Lê Thị Kết | 06/04/1964 | | 1.400.000 | 100.000 | Lê Khả Hiếu | 0341007146165 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **136** |
| 161 | **Trần Thế Toàn** | Trần Thế Toàn | 01/01/1960 | | 1.400.000 | 100.000 | Vũ Thị Thoa | 9394320998 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **137** |
| 162 | **Trần Thị Đoan** | Đỗ Thị Tuyết Mai | 23/09/2008 | | | 1.500.000 | Trần Thị Đoan | 0341006841883 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **138** |
| 163 | | Đỗ Đức Khôi | 12/04/2009 | | | 1.500.000 | Trần Thị Đoan | 0341006841883 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách | Ngày tháng năm sinh | Loại đối tượng BTXH (nếu có) | Mức hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng (nếu có) | Đối tượng hưởng Nghị quyết số 04/2026 ( 01 tháng) | Thông tin tài khoản | | | Thôn | Loại đối tượng | Ghi chú *(Số chủ hộ)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Họ và tên tài khoản | Số tài khoản | Ngân hàng | | | |
| 164 | **Lê Thị Tám** | Lê Thị Tám | 01/01/1962 | | | 1.500.000 | Trần Đình Huy | 103882418968 | Vietinbank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **139** |
| 165 | **Lê Thị Hằng** | Lê Thị Hằng | 14/05/1984 | | 1.050.000 | 450.000 | Lê Thị Hằng | 106873393765 | Vietinbank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **140** |
| 166 | | Lý Phương Anh | 01/05/2006 | | | 1.500.000 | Lê Thị Hằng | 106873393765 | Vietinbank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | |
| 167 | **Vũ Thị Mùa** | Vũ Thị Mùa | 01/01/1958 | | | 1.500.000 | Vũ Đình Đông | 2303249004103 | Agribank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **141** |
| 168 | **Vũ Thị Tiến** | Vũ Thị Tiến | 26/04/1961 | | | 1.500.000 | Doãn Thị Thọ | 2303205024079 | Agribank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **142** |
| 169 | **Phạm Công Luật** | Phạm Công Luật | 28/11/1978 | | 1.050.000 | 450.000 | Phạm Thị Nữ | 0341001520655 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **143** |
| 170 | **Phạm Công Thạch** | Nguyễn Thị Thư | 19/12/1962 | | 700.000 | 800.000 | Phạm Công Anh | 9368283176 | Vietcombank | An Xá | Thoát Hô Cận nghèo | **144** |
| **Tổng** | | | | | | **134.828.000** | | | | | | |

*Ghi bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng./.*

*Xã Trần Phú, ngày tháng 06 năm 2026*

**NGƯỜI LẬP**

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Phúc Đức**

**Nguyễn Văn Bền**